

ĐÁP ÁN & LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án : **B**

Cấu trúc đảo ngữ với “so” : So + adj + be + S + that + clause = quá... đến mức mà

Câu 2: Đáp án : **D**

“Can I+ V...+ for you?” là cấu trúc đề nghị làm gì cho người khác. Được đề nghị xách hộ đồ; người đáp hỏi lại với ý cảm ơn: Can you? That’s very kind. = Bạn xách được chứ? Thật là tốt bụng

Câu 3: Đáp án : **C**

Warn somebody + against + Ving = cảnh báo ai không làm g

Câu 4: Đáp án : **B**

Must have done -> dự đoán một việc chắc chắn đã xảy ra trong quá khứ. Otherwise = nếu không thì. Đề giả định một việc trái hiện tại: otherwise + S + would (not) + V (= nếu không thì bây giờ đã không...)

Câu 5: Đáp án : **C**

N + be my cup of tea = cái gì đó là hợp sở thích của tôi

Câu 6: Đáp án : **D**

Respective = tương ứng; lần lượt

Câu 7: Đáp án : **C**

Ingredient = thành phần (thực phẩm); element = thành phần cấu tạo; factor = yếu tố; substance = vật chất

Câu 8: Đáp án : **D**

The first/last + N + to V = là người/vật đầu tiên/cuối cùng làm gì

Câu 9: Đáp án : **C**

So sánh ngang bằng: S + be + as + adj + as N = cũng ... như...

Câu 10: Đáp án : **B**

Quy tắc sắp xếp các tính từ: OPSACOM: Opinion (nice) – Price – Shape/size – Age – Color (brown) – Original – Material (leather) => nice leather brown

Câu 11: Đáp án : **D**

Can’t see the wood for the trees = thấy cây mà chẳng thấy rừng; ý nói chỉ chú ý đến cái tiểu tiết, mà không nắm được tình hình chung

Câu 12: Đáp án : **C**

I couldn't agree any more = tôi không thể đồng ý hơn được, ý là tôi hoàn toàn đồng ý.

Câu 13: Đáp án : **D**

How + adv + S + V! -> câu cảm thán, thường chỉ ý khen ai đó làm việc gì thế nào. Đáp lại là lời cảm ơn: . Many thanks, that's a nice compliment = Cảm ơn nhiều, đó là một lời khen tốt

Câu 14: Đáp án : **B**

Trong câu có: N1 + as well as + N2 đứng đầu thì N1 là chủ ngữ, động từ chia theo N1

Câu 15: Đáp án : **A**

May have + past participle : có lẽ đã làm gì trong quá khứ, dự đoán không chắc chắn. Be to V = cần phải làm gì. Should have + past participle: đã nên làm gì trong quá khứ, mà đã không làm.

Can have + past participle: đã có thể làm gì trong quá khứ, mà không làm

Câu 16: Đáp án : **C**

Speed up = nhanh lên

Câu 17: Đáp án : **D**

Electronic (Adj) = thuộc về điện tử. Electric (Adj) = thuộc về điện, dùng điện

Câu 18: Đáp án : **A**

Giả định cách: It is + tính từ chỉ sự quan trọng (essential/important/necessary...) + (that) + S + (should) + V không chia

Câu 19: Đáp án : **B**

Although = mặc dù. Yet = nhưng. So that = để mà. Because = bởi vì

Câu 20: Đáp án : **B**

Masterpiece = kiệt tác

Câu 21: Đáp án : **A**

Evidence = proof = bằng chứng. clue = gợi ý, dấu vết

Câu 22: Đáp án : **C**

Drive somebody to the edge = làm ai khó chịu, tức điên. Irritate = làm ai bực mình

Câu 23: Đáp án : **B**

Be home and dry = êm xuôi, xuôi chèo mát mái

Câu 24: Đáp án : **B**

Rather than = hơn là, thay vì

Câu 25: Đáp án : **C**

“s” trong “pleasure” phát âm là /z/, trong các từ còn lại phát âm là /z/

Câu 26: Đáp án : **B**

“ed” trong từ “wicked” là trường hợp đặc biệt, phát âm là /id/, trong các từ còn lại phát âm là /t/

Câu 27: Đáp án **B**

Hardly = gần như không (mang nghĩa phủ định); không dùng “not” cạnh “hardly”

Câu 28: Đáp án **A**

Chủ ngữ trong câu là LaGuardia – một trường học; động từ đứng đầu câu “establish” (=thành lập) phải là động từ do chủ ngữ này hành động. Ngôi trường này được thành lập; việc thành lập là bị động; phải dùng quá khứ phân từ đứng đầu câu để thể hiện ý bị động

Câu 29: Đáp án **B**

Trước “and” là to V thì sau “and” là V. Sửa B thành: think

Câu 30: Đáp án **C**

Đại từ quan hệ bổ nghĩa cho nơi chốn (the place) và không làm chủ ngữ cho mệnh đề quan hệ (“she” làm chủ ngữ cho mệnh đề quan hệ) là “where”

Câu 31: Đáp án **D**

Work + as + a/an + nghề nghiệp = làm việc trong vai trò là một nghề gì

Câu 32: Đáp án : **B**

Trong đoạn mở đầu, tác giả cho rằng những đứa trẻ tài giỏi không bị cản trở bởi khả năng dạy hỗn hợp của giáo viên; mà ngược lại còn có thêm kiến thức và kinh nghiệm học tập (rarely **held back** by mixed-ability teaching. On the contrary, both their knowledge and experience are enriched) -> tác giả đồng tình với khả năng dạy hỗn hợp (approving)

Câu 33: Đáp án : A

Be held back = bị cản trở

Câu 34: Đáp án : C

Từ cuối dòng đầu đoạn 2: This is only one aspect of *their total personality*. We are concerned to develop the abilities of all our pupils *to the full* -> thay vì đánh giá học sinh qua khả năng học tập; cần phải chú ý phát triển mọi kỹ năng, nhân cách tổng thể

Câu 35: Đáp án : B

Từ dòng đầu đoạn 3: The pupils often work in groups; this gives them the opportunity to learn *to co-operate*, to share, and to *develop leadership skills*. They also learn how to cope with the personal problems as well as learning how to think, to make decisions, *to analyze and evaluate*, to communicate effectively -> chỉ có đáp án B là không được nhắc tới

Câu 36: Đáp án : C

Từ đoạn đầu, dòng 2: there are many disadvantages in **streaming pupils...** It can have a bad effect on both the bright and the not-so-bright child -> tác giả cho rằng đưa học sinh vào cùng các trình độ có hại cho những trẻ thông minh và trẻ kém thông minh -> đoạn văn ám chỉ nên tách 2 trình độ học sinh riêng biệt

Câu 37: Đáp án : B

Ngay từ 2 câu đầu: We find that bright children are rarely **held back** by mixed-ability teaching. On the contrary, both their knowledge and experience are enriched -> với những trình độ hỗn hợp; những học sinh giỏi vẫn phát triển tốt về mặt tích lũy kiến thức và kinh nghiệm

Câu 38: Đáp án : B

Trong đoạn cuối: sometimes the work on individual tasks and assignments, they can do this at their own speed ...An advanced pupil can do advanced works -> các học sinh có thể làm việc độc lập; phát huy ở tốc độ riêng của mình – một điểm tích cực

Câu 39: Đáp án : B

Bài văn đề cập tới việc phát triển các kỹ năng của học sinh thông qua rất nhiều phương pháp khác nhau; làm việc nhóm, làm việc cá nhân, học từ giáo viên, tự học “we work in various ways” -> khuyến khích học sinh học bằng nhiều cách

Câu 40: Đáp án : A

Stream (v) có thể mang nghĩa: đưa học sinh vào các lớp theo trình độ của mình

Câu 41: Đáp án : D

Từ dòng 2 đoạn 2: . We are concerned to *develop the abilities of all our pupils to the full*, not just their academic ability -> hướng tới phát triển toàn diện cho học sinh

Câu 42: Đáp án : B

For the last/past + khoảng thời gian = trong vòng bao lâu qua

Câu 43: Đáp án : D

Wonder whether + mệnh đề = thắc mắc, tự hỏi liệu rằng...

Câu 44: Đáp án : B

Spend time + Ving = dành thời gian làm gì

Câu 45: Đáp án : **A**

By means of N = bằng phương tiện gì

Câu 46: Đáp án : **C**

Mệnh đề quan hệ có thể đứng sau động từ; mang vai trò một túc từ. Understand what is happening = hiểu cái gì đang xảy ra

Câu 47: Đáp án : **C**

Without N = mà không có cái gì

Câu 48: Đáp án : **A**

Every five years = cứ 5 năm một lần (tự kiểm tra khả năng hiểu của mình cứ 5 năm một lần)

Câu 49: Đáp án : **B**

Understanding (noun) = sự hiểu biết

Câu 50: Đáp án : **D**

Have an advantage at N/Ving = có lợi thế về cái gì

Câu 51: Đáp án : **B**

Both... and... = vừa ... vừa ...

Câu 52: Đáp án : **B**

Từ dòng 3 đoạn 2: in all six languages, the mothers used simplified syntax, short utterances and nonsense sounds, and transformed *certain sounds* into baby talk -> các cách giống nhau để nói chuyện với con

Câu 53: Đáp án : **C**

Đầu đoạn cuối: Babies obviously *derive pleasure from sound input*, too: even as young as nine months they will listen to songs or stories, although the words themselves are *beyond their understanding* -> vẫn thích dù không hiểu

Câu 54: Đáp án : **B**

Từ dòng 5 đoạn 2: they exaggerate the pitch, loudness, and intensity of their words. They also exaggerate their facial expressions, hold vowels longer, and *emphasize certain words*. -> không phải các từ đều nhấn mạnh như nhau mà là nhấn mạnh một số từ nhất định

Câu 55: Đáp án : **A**

Diverse = đa dạng, phong phú

Câu 56: Đáp án : **B**

“they” thực hiện hành động “exaggerate”, “hold vowels”; đồng thời thay cho danh từ số nhiều ở vế trước : when mothers talk to babies who are only a few months old, they exaggerate the pitch, loudness, and intensity of their words -> chỉ có thể là “mothers

Câu 57: Đáp án : **A**

Từ dòng 3 đoạn đầu: They will stop crying when they hear a person talking, but not if they hear **a bell** or the sound of **a rattle** -> những đứa trẻ ngừng khóc nếu nghe thấy người nói chuyện; nhưng không nín khóc khi nghe một tiếng chuông hay tiếng lách cách -> phản ứng khác nhau với âm thanh của người và vật

Câu 58: Đáp án : **B**

Đoạn văn nói về sự phản ứng với tiếng nói của trẻ em từ lúc sơ sinh, chưa có khả năng hiểu

Câu 59: Đáp án : **A**

Emphasize = nhấn mạnh = stress

Câu 60: Đáp án : C

Dòng 2 đoạn 3: ... tiny babies can *make relatively fine distinctions between speech sounds*, babies *enter the world with the ability* to make precisely those perceptual discriminations that are necessary if they are *to acquire aural language*

Câu 61: Đáp án : B

Note = chú ý, nhận ra. Observe = quan sát

Câu 62: Đáp án : B

Trọng âm của từ này rơi vào âm tiết thứ 1, các từ còn lại rơi vào âm tiết thứ 2

Câu 63: Đáp án : A

Trọng âm của từ này rơi vào âm tiết thứ 3, các từ còn lại rơi vào âm tiết thứ 2

Câu 64: Đáp án : D

Trọng âm của từ này rơi vào âm tiết thứ 2, các từ còn lại rơi vào âm tiết thứ 3

Câu 65: He greatly regretted not seeing Andrey on her trip to London.

Be sorry that = rất tiếc vì điều gì đã xảy ra. Regret + Ving = hối tiếc vì mình đã làm gì

Câu 66: No sooner had the plane left the airport than the accident happened.

Hardly... when... = No sooner + had S + past participle + than + S + V-ed

Câu 67: Despite her saying that she would come, I don't think she ever will.

Hoặc Despite the fact that she said that she would come, I don't think she ever will.

Although + mệnh đề = Despite + N/Ving = mặc dù

Câu 68: Nigel is considered to be the the best racing driver in the world.

Be considered to V = được cho là làm gì trong hiện tại hoặc tương lai

Câu 69: Nam said that if he didn't receive her letter the next day/ the following day/ the day after, he would phone her.

Khi tường thuật, động từ câu gián tiếp lùi thời so với câu trực tiếp; *tomorrow* lùi thành *the next/following day*. Đồng thời If ...not = Unless

Câu 70:

SAMPLE:

Family plays an important role throughout each one's life. Firstly, it is our families that are willing to support us at any time. When we are small, our parents bring us up. They are ready to instruct us to walk, to ride, to self-care and care for others. Our family finances not only our physical life but also our intellectual life from education to leisure activities. We receive family members' care in every meal, every time we are sick and every time we stay together. Through ups and downs, our family is still available to share extreme feelings such as happiness, worrisome, failures and tries to solve our problems. In another word, they promote our strength without calculation. Secondly, family creates our developing environment. It gives us habits, ways of thinking through which we shape our characteristics. The reacting and tolerating manner of other members affect us toughly, resulting in our personalities. In sum, family is a source of encouragement and personality for us.